

Đ, ngày 19 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ vào điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2025/TLST-VHNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1986, địa chỉ: khu phố A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị;

- Ông Trương Sỹ T1, sinh năm 1983, địa chỉ: khu phố A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Thanh T và ông Trương Sỹ T1 đã đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tự nguyện theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có một thời gian hòa thuận yêu thương nhau, tuy nhiên sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên đã nói chuyện, trao đổi với nhau nhiều lần nhưng không cải thiện được, vợ chồng đã sống ly thân, tình trạng hôn nhân vẫn không có tiến triển tốt đẹp. Nay cả hai đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất với nhau về việc ly hôn.

Xét thấy, bà T, ông T1 thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa bà T, ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Thanh T và ông Trương Sỹ T1.

[2] Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung là Trương Sỹ Huy H, sinh ngày 26/7/2012 và Trương Sĩ Minh P, sinh ngày 15/10/2014. Khi ly hôn bà T và ông T1 thống nhất thỏa thuận giao quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu H và P cho bà T. Ông T1 thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con cho 02 cháu H và P mỗi tháng 5.000.000 đồng (mỗi cháu 2.500.000 đồng) cho đến khi cháu H và P thành niên và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Trương Sỹ T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Bà Lê Thị Thanh T và ông Trương Sỹ T1 chịu toàn bộ Lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T và ông Trương Sỹ T1 thuận tình ly hôn (*Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2011 của UBND xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị hết hiệu lực*).

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trương Sỹ Huy H, sinh ngày 26/7/2012 và Trương Sĩ Minh P, sinh ngày 15/10/2014 cho bà Lê Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Trương Sỹ T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi cháu mỗi tháng 2.500.000 đồng (*5.000.000 đồng/tháng/2 cháu*). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2025 cho đến khi các cháu H, P thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Trương Sỹ T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Lê Thị Thanh T và ông Trương Sỹ T1 phải chịu 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng chẵn*) lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0000719 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Bà T, ông T1 đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAT Quảng Trị;
- VKSND tp Đ;
- CC THADS tp Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện V,
tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, tập án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Huyền